

Số: 233/2020/QĐST-HNGĐ

T, ngày 22 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 384/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1976: địa chỉ thường trú: Xóm Đ, xã D, huyện C, tỉnh H; tạm trú: 8/26 tổ 7 khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh B.

2. Ông Bùi Văn L, sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: Xóm Đ, xã D, huyện C, tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị H và ông Bùi Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh H vào ngày 22 tháng 11 năm 1996 theo giấy chứng nhận kết hôn số 13/1996, quyển số 1/1996.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nay bà H và ông L xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà H và ông L có 02 con chung tên Bùi Thị Mỹ L, sinh ngày 14 tháng 9 năm 1996 và Bùi Thị Quỳnh L, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2000; các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận

nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị H và ông Bùi Văn L.
 - Về con chung: Bùi Thị Mỹ L, sinh ngày 14 tháng 9 năm 1996 và Bùi Thị Quỳnh L, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2000; các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
2. Về lệ phí: Bà Bùi Thị H và ông Bùi Văn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046495 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.
4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- UBND xã D, huyện C, tỉnh H (theo GCN Số 13/1996);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Danh Đại Thắng